

Số: 28 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO
Về việc kết quả triển khai thực hiện chế độ, chính sách
quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện công văn số 531/BNV-CTL&BHXH ngày 21/01/2026 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo đánh giá thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP¹; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính báo cáo kết quả như sau:

I. Tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ

Thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã chủ động tổ chức quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định; góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, ổn định đời sống, tạo động lực để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với địa bàn vùng đặc biệt khó khăn; đồng thời góp phần củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cụ thể:

1. Về phụ cấp thu hút:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Việc thực hiện phụ cấp thu hút đã phát huy hiệu quả tích cực trong việc động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách này giúp thu hút, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài tại địa phương, góp phần ổn định đội ngũ, hạn chế tình trạng xin chuyển công tác, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

¹ Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hạn chế: Trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp một số khó khăn như việc xác định đối tượng, xác định thời gian công tác tại vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn đối với một số trường hợp chưa thật sự thống nhất; việc thay đổi danh mục địa bàn đặc biệt khó khăn theo từng giai đoạn gây lúng túng trong quá trình áp dụng.

2. Về phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Chế độ phụ cấp công tác lâu năm được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có thời gian công tác lâu dài tại vùng đặc biệt khó khăn; chính sách này có ý nghĩa thiết thực trong việc ghi nhận sự cống hiến, tạo động lực để đội ngũ viên chức tiếp tục phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tạo động lực để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với địa phương, hạn chế tình trạng xin chuyển công tác khỏi vùng khó khăn, ổn định tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở

- Hạn chế: Việc xác định, tổng hợp thời gian công tác liên tục để làm căn cứ tính hưởng phụ cấp có thời điểm còn chưa thống nhất; hồ sơ, giấy tờ liên quan của một số cá nhân chưa đầy đủ, cần bổ sung, hoàn thiện, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chính sách.

3. Về trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Việc thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đã kịp thời hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi mới nhận công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần giảm bớt khó khăn ban đầu về điều kiện sinh hoạt và chi phí ổn định nơi ở, đi lại đồng thời tạo động lực để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm công tác, sớm ổn định tư tưởng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Về trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá: Không thực hiện do các đơn vị chưa có căn cứ để xác định điều kiện, định mức... để thực hiện chế độ về trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch.

5. Về trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu được kịp thời, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho công chức, viên chức và người lao động khi thay đổi nơi công tác hoặc nghỉ hưu.

6. Về thanh toán tiền tàu xe:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Việc thanh toán tiền tàu xe được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nghỉ phép năm theo quy định, đảm bảo quyền lợi cũng như hỗ trợ phần nào chi phí đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về thăm quê nhà.

7. Về trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

8. Về phụ cấp ưu đãi nghề:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Việc chi trả phụ cấp ưu đãi nghề được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, góp phần cải thiện thu nhập, tạo động lực làm việc cho đội ngũ viên chức thuộc lĩnh vực được hưởng chính sách. Qua đó, chất lượng công tác chuyên môn từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương.

9. Về phụ cấp lưu động và phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách, số địa bàn áp dụng chính sách và kinh phí thực hiện *(có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết đính kèm theo)*.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Việc chi trả phụ cấp lưu động và phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số đã góp phần hỗ trợ, khuyến khích giáo viên và viên chức quản lý giáo dục thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Hạn chế: Việc xác định đối tượng, phạm vi và thời gian hưởng phụ cấp trong một số thời điểm còn gặp khó khăn do thay đổi nhiệm vụ giảng dạy và điều kiện thực tế tại đơn vị.

II. Đánh giá chung

- Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đã thiết lập một hệ thống chính sách mang tính hỗ trợ toàn diện và đặc thù, nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang yên tâm công tác tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, khó khăn về kinh tế – xã hội.

- Chính sách này đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước đối với nguồn nhân lực đang trực tiếp tham gia phục vụ phát triển và bảo đảm an ninh - quốc phòng tại những khu vực còn nhiều hạn chế về điều kiện sống và làm việc; thể hiện rõ tính nhân văn, kịp thời và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Các chế độ phụ cấp theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP cơ bản được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, bám sát các quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Việc thực hiện chính sách đã góp phần cải thiện thu nhập, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức; qua đó giúp đội ngũ cán bộ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với địa bàn, hạn chế tình trạng xin chuyển công tác hoặc bỏ việc, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế.

- Tạo động lực khuyến khích, thu hút và ổn định nguồn nhân lực, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; qua đó góp phần bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống và giúp đội ngũ yên tâm công tác, nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

- Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế, vẫn tồn tại một số khó khăn liên quan đến tính kịp thời trong ban hành hướng dẫn chi tiết, khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. Đề xuất, kiến nghị

- Bổ sung đối tượng chi trả phụ cấp ưu đãi cho nhân viên trường học như: văn thư, y tế, kế toán, thư viện, thiết bị... đối tượng này chủ yếu chỉ nhận lương theo ngạch bậc và phụ cấp khu vực ngoài ra không có khoản phụ cấp nào khác trong khi điều kiện sinh hoạt còn nhiều khó khăn, chi phí sinh hoạt ngày càng tăng.

- Trường hợp đã hết thời gian công tác 05 năm nhưng chưa được bố trí, điều động về vùng thuận lợi, đề nghị tiếp tục được hưởng phụ cấp thu hút.

- Có hướng dẫn cụ thể về điều kiện áp dụng, thời gian, định mức... để thực hiện chế độ trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch làm cơ sở để các đơn vị thống nhất triển khai thực hiện.

- Đề nghị rà soát, sửa đổi quy định về xác định các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo; các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn đảm bảo phù hợp với thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính báo cáo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính;
- Lưu: VT, C7.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh